

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HS-ST

Ngày: 13 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thu Hà

Ông Vũ Văn Quỳnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vàng Thị M** Tên gọi khác: Không có tên gọi khác

Sinh năm: 1973 tại tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 0111730037xx cấp ngày: 22/10/2024 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi thường trú - Nơi ở hiện tại: Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Nay là Bản L, xã M, tỉnh Điện Biên). Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Không; Con ông: Vang A D (đã chết) và bà: Lầu Thị K (đã chết); Bị cáo có chồng: Cừ A D và 06 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án: 01 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: không. Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị tạm giữ từ ngày 03/6/2025 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử. (Có mặt);

- **Người phiên dịch cho bị cáo:** Anh Dương Văn K - sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản T, phường Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 10 phút ngày 03/6/2025, tổ công tác Công an xã M, thành phố Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên làm nhiệm vụ tại khu vực thuộc bản L, xã M phát hiện tại nhà anh Cừ A N, có Vàng Thị M đang ngồi một mình trong nhà có biểu hiện nghi vấn liên quan đến phạm tội về ma túy. Tổ công tác vận động, giải thích, M tự giác lấy trong túi áo khoác màu xanh phía ngoài bên trái của mình ra giao nộp 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 02 gói nilon màu xanh và 01 gói nilon màu đen, bên trong đều có chứa cục, bột màu trắng. Vàng Thị M khai nhận đó là Heroine. Nguồn gốc số ma túy là do mình đã mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực bản L, xã M với giá 4.000.000 đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy bị cáo cất giấu trong túi áo của mình rồi đi về nhà. Khi đang định bỏ số Heroine ra sử dụng thì bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói như trên, bên trong có chứa cục, bột màu trắng đục, tổng khối lượng 63,46 gam.

Tại bản kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 10/6/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng gửi giám định thu giữ của Vàng Thị May ký hiệu M1, M2, M3 có tổng khối lượng 63,46 gam là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).

Hoàn lại đối tượng giám định có khối lượng M1: 9,93 gam, M2: 6,39 gam, M3: 33,8 gam có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSKV1 ngày 26/8/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Vàng Thị M về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 50,12 gam Heroine hoàn lại sau giám định, 01 túi nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu đen. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy niêm phong lại vật chứng, Kết luận giám định...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 11 giờ 10 phút ngày 03/6/2025, tại khu vực Bản L, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Bản L, xã M, tỉnh Điện Biên), Vàng Thị M đã có hành vi cất giấu trái phép 63,46 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 102/HS-ST ngày 26/5/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 11/10/2024 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, ngày 14/7/2022 bị cáo đã thi hành án phí hình sự sơ thẩm. Tính đến ngày phạm tội lần này, bị cáo chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ được tặng

Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Đã từng bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (tiền án năm 2022), được coi là có nhân thân xấu. Bị cáo không lấy đó làm bài học để thay đổi bản thân, vẫn sử dụng ma túy và thực hiện hành vi phạm tội.

Hình phạt chính mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ tuy nhiên có phần nghiêm khắc, chưa tương xứng với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng... Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Đối với 63,46 gam Heroine thu giữ của bị cáo, sau khi gửi toàn bộ giám định còn lại 50,12 gam là vật Nhà nước cấm tàng trữ; các mảnh nilon, túi nilon là vật dùng gói ma túy không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[5]. Các vấn đề khác: Đối với người bán ma túy: Quá trình điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân khu vực 1 - Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng

án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Vàng Thị M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 3, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Vàng Thị M 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (03/6/2025).

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 50,12 gam Heroine vật chứng còn lại sau giám định và 01 túi nilon màu trắng, 02 mảnh nilon màu xanh, 01 mảnh nilon màu đen. (Đã niêm phong) *(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2025).*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/9/2025)/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm giam MT– Trại TG Công an tỉnh ĐB;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/TB-TA

Điện Biên, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2025/HS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng thứ 06 từ dưới lên trang 1 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Vang A D (đã chết)...”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Vàng A D (đã chết)...”

2. Về nội dung tại dòng thứ 12 từ trên xuống trang 5 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “2. Về hình phạt: Căn cứ điểm điểm b khoản 3...”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249...”

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm giam MT– Trại TG Công an tỉnh ĐB;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng cảnh sát THAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ